

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5 /2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt tại Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn						Điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình Dự án theo hồ sơ thiết kế tại Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ Giao thông vận tải						Ghi chú
	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Diện tích các loại đất (ha)	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Diện tích các loại đất (ha)	
<b>I</b>	<b>Đất giao thông</b>												
1.1	Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B	Xã Khánh Xuân, Đồng Bục, Hữu Khánh, Tú Đạoan, Đông Quan, Lợi Bắc, TT Na Dương	6,29	137,99	131,7	LUC: 11,52 ; LUK: 9,88; HNK: 11,82; CLN: 3,72; RSX: 84,95; NTS: 0,87; ONT: 2,89; DTL: 0,61; NTD 0,07; SON:: 1,68; TIN: 0,01; MNC: 0,51; CSD: 3,17	Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B	Xã Khánh Xuân, Đồng Bục, Hữu Khánh, Tú Đạoan, Đông Quan, Lợi Bắc và TT Na Dương	10,96	62,36	51,4	LUC: 8,16; LUK: 4,09; HNK: 8,03; CLN: 1,99; RSX: 24,56; NTS: 0,6; ONT: 1,75; ODT: 0,16; DVH: 0,07; DTL: 0,59; NTD: 0,01; TIN: 0,01; TSC: 0,01; SON: 0,92; CSD: 0,45; DGT: 10,96	Điều chỉnh giảm quy mô, địa điểm
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất vật liệu xây dựng</b>												
2.1	Đất san lấp Dự án: Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B	Xã Hữu Khánh, Đông Quan, Lợi Bắc		61,07	61,07	LUC: 0,31; LUK: 1,88; HNK: 1,23; RSX: 55,92; DGT: 0,61; CSD: 0,12	Đất san lấp dự án Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B	Xã Hữu Khánh		1,63	1,63	RSX	Điều chỉnh giảm quy mô, địa điểm
<b>III</b>	<b>Đất bãi thải, xử lý chất thải</b>												
3.1	Đất bãi đổ thải dự án Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B	Xã Đồng Bục, Hữu Khánh, Đông Quan, Lợi Bắc		16,43	16,43	LUC: 0,56; LUK: 1,54; HNK: 0,41; CLN: 1,65; RSX: 10,16; NTS: 0,16; ONT: 0,28; DTL: 0,04; SON: 1,12; CSD: 0,51	Đất bãi đổ thải dự án Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B	Xã Hữu Khánh, Đông Quan, Lợi Bắc		12,14	12,14	LUC: 0,59; LUK: 2,60; HNK: 1,41; CLN: 0,29; RSX: 6,34; NTS: 0,01; DGT: 0,45; DTL: 0,04; CSD: 0,4	Điều chỉnh giảm quy mô, địa điểm
<b>IV</b>	<b>Dự án tái định cư</b>												
4.1	Khu nghỉ dưỡng sinh thái và dân cư hồ Nà Cây	Khu 10 Thị trấn Na Dương		3,07	3,07	LUK 0,02; HNK 0,87; RSX 1,34; ODT 0,57; DGT 0,15; DTL 0,08; CDS 0,04	Khu tái định cư và dân cư 8+10	khu 8+10, Thị trấn Na Dương		3,07	3,07	LUK 0,02; HNK 0,87; RSX 1,34; ODT 0,57; DGT 0,15; DTL 0,08; CDS 0,04	Điều chỉnh giảm quy mô, địa điểm